

Bản án số 117/2019/DS-PT
Ngày: 29-11- 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thái và bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Dung Thị Mỹ Ái - Thư ký Tòa án của Tòa án tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2019/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DSST ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 217/2019/QĐPT ngày 04/11/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Trần Xuân V** - Sinh năm 1982; địa chỉ Khu phố 2, thị trấn TM, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* **Bà Võ Thị K** - Sinh năm 1973; địa chỉ Khu phố 2, thị trấn TM, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đồng Hoàng V - Sinh năm 1978; địa chỉ Khu phố 2, thị trấn TM, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông Đồng Phước Đ - Sinh năm 1971; địa chỉ Khu phố 2, thị trấn TM, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Võ Thị K.

Bà K có mặt; bà V có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông V1, ông Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 23/3/2019, lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ thu thập có tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa thì nội dung vụ kiện được thể hiện như sau:

Ngày 20/5/2017, bà Võ Thị K đến nhà bà V vay số tiền 115.000.000 đồng để làm ăn và chi phí sinh hoạt chung trong gia đình và trả góp mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nêu trên là ngày 20/3/2019. Tuy nhiên, sau khi mượn tiền thì bà K chỉ trả dần được mấy tháng, tổng cộng được 37.000.000 đồng. Sau đó bà K bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh và không trả tiền cho bà V nữa. Bà V có lên mạng xã hội đăng tin vay mượn tiền của bà K thì đến tháng 10/2018, bà K trở về và tuyên bố không trả tiền cho bà V nữa. Tại phiên tòa, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng bà Võ Thị K và ông Đồng Phước Đ phải trả cho bà số tiền còn thiếu là 78.000.000 đồng. Số tiền cho bà K vay là tiền riêng của bà V, không liên quan đến chồng bà là ông Đồng Hoàng V.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2019, bị đơn là bà Võ Thị K thừa nhận có vay mượn của bà Trần Xuân V số tiền 115.000.000 đồng và bà đã viết giấy vay tiền ngày 20/5/2017 mà bà V đã nộp kèm theo đơn khởi kiện. Tuy nhiên, đây thực chất là số tiền vay góp và trả dần hàng tháng. Theo đó, mỗi tháng bà góp 01 chân hụi 5.000.000 đồng cho bà V và bà đã đóng được 11 kỳ là 55.000.000 đồng. Do đó, bà K chỉ còn thiếu của bà V số tiền là 60.000.000 đồng chứ không 78.000.000 đồng như bà V trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đồng Hoàng V trình bày: Ông không biết việc vay mượn giữa vợ ông và bà K nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đồng Phước Đ trình bày: Ông thừa nhận ngày 20/5/2017, vợ ông có vay mượn của bà Trần Xuân V số tiền 115.000.000 đồng. Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay của bà V số tiền 115.000.000 đồng và giấy vay mượn tiền ngày 20/5/2017 mà bà V nộp kèm theo đơn khởi kiện là do vợ ông viết. Tuy nhiên, đây thực chất là số tiền vay và trả dần hàng tháng như vợ ông trình bày. Mỗi tháng vợ chồng ông góp 01 chân hụi 5.000.000 đồng cho bà V và đã đóng được 11 kỳ là 55.000.000 đồng. Do đó vợ chồng ông chỉ còn thiếu của bà V số tiền là 60.000.000 đồng. Khoảng tháng 4/2018 thì gia đình ông gặp khó khăn về kinh tế nên chưa đóng được kỳ hụi cho bà V thì đến tháng 8/2018, bà V đăng tin lên mạng xã hội làm mọi người nói ông lừa đảo, không làm được nên ông không trả.

Ngày 19/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã đưa vụ án ra xét xử, tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DSST, quyết định như sau:

Căn cứ: Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Xuân V.

1. Buộc vợ chồng bà Võ Thị K và ông Đồng Phước Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Xuân V số tiền là 78.000.000đồng (bảy mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, luật thi hành án dân sự và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 25/7/2019 bà Võ Thị K kháng cáo: Không đồng ý trả cho bà Trần Thị Xuân V 78.000.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên mà chỉ đồng ý trả số tiền 60.000.000 đồng cho bà V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật; yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị K là không có căn cứ pháp lý nên đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị K giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

- Bà Võ Thị K có ý kiến: Đồng ý trả số tiền 60.000.000 đồng cho bà V, không đồng ý trả 78.000.000đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Võ Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên vì bà đã trả số tiền 55.000.000đồng cho bà V trong số tiền 115.000.000đồng, hiện nay bà chỉ nợ lại bà V số tiền 60.000.000đồng. Xét kháng cáo, hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm: Đối với việc vắng mặt bà Trần Xuân V, Tòa phúc thẩm đã tổng đạt hợp lệ cho bà V về việc tham gia tố tụng nhưng bà có đơn xin xét xử vắng mặt, hơn nữa bà V không kháng cáo bản án nên vụ án được xét xử vắng mặt bà V theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đều xác nhận việc vay mượn tiền theo giấy vay đề ngày 20/5/2017 của bà Võ Thị K vay số tiền 115.000.000đồng của bà Trần Xuân V để làm ăn và chi phí sinh hoạt chung trong gia đình và trả góp mỗi tháng.

Bà Võ Thị K khai nại vợ chồng bà đã góp 01 chân huê hụi 5.000.000 đồng cho bà V và đã đóng được 11 kỳ là 55.000.000đồng. Việc góp 01 chân hụi 5.000.000 đồng cho mỗi tháng không được bà V thừa nhận số tiền đã nhận

55.000.000đồng, bà V chỉ thừa nhận có nhận của bà K đã góp nhiều lần được số tiền 37.000.000đồng.

Tại phiên Tòa phúc thẩm bà K đưa ra các tin nhắn trên điện thoại giữa bà với bà V nội dung tin nhắn theo bà K là bà V có nhắc đến việc bà K thiếu 04 kỳ góp nên bà không đồng ý trả cho bà V số tiền 78.000.000đồng như án đã tuyên.

Xét tình tiết mà bà K cung cấp tại phiên tòa không thể hiện được số tiền giữa hai bên đối chiếu, số nợ đến thời Đ xác nhận trên tin nhắn điện thoại còn bao nhiêu, tính toán cụ thể. Bà K trình bày nhưng bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ hay tài liệu nào khác để chứng minh việc bà đã giao tiền cho V số tiền 55.000.000đồng, cho nên không có căn cứ chấp nhận việc khai nại của bà đối với số tiền mà bà đã trả cho bà V.

[3] Mặc dù trong giấy mượn tiền chỉ ghi tên bà Võ Thị K đứng tên vay nhưng theo bà K số tiền mượn trên dùng để làm ăn và chi phí sinh hoạt chung trong gia đình, cho nên việc đưa ông Đồng Phước Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào việc thừa nhận của bà V đối với số tiền mà bà K trả nhiều lần tổng cộng là 37.000.000đồng, mặc dù bà V không cung cấp giấy tờ nhưng sự thừa nhận này của bà V được xem là chứng cứ, có căn cứ chấp nhận bà V đã nhận tiền của bà K số tiền 37.000.000đồng. Sau khi xem xét khấu trừ số tiền vay theo giấy mượn tiền và số tiền mà bà V đã nhận được từ bà K đã trả, Tòa án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Xuân V, buộc vợ chồng bà Võ Thị K và ông Đồng Phước Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Xuân V số tiền là 78.000.000đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Bà Võ Thị K kháng cáo yêu cầu xem xét số tiền 55.000.000đồng mà bà đã trả cho bà Trần Xuân V nhưng bà không cung cấp được tài liệu chứng minh liên quan đến phần kháng cáo của mình nên hội đồng xét xử phúc thẩm không thể xem xét chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của bà Võ Thị K không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị K giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ: Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Xuân V.

1. Buộc vợ chồng bà Võ Thị K và ông Đồng Phước Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Xuân V số tiền là 78.000.000đồng (bảy mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị K phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, bà K đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024889 ngày 01/8/2019 nên không phải nộp nữa.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND Bình Thuận;
- TAND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái